TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K T** **TỈNH K T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2024/HS-ST
Ngày 27 - 11 – 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K T, TỈNH K T

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Long (Giáo viên) ;
2/ Ông Trương Duy Cảnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thùy An – Thư ký TAND thành phố K T, tỉnh K T.

- ***Đại diện Viện kiểm sát*** *nhân dân thành phố K T, tỉnh K T tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thùy An – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K T, tỉnh K T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. A T, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2002 tại tỉnh K T; trú tại: Thôn Plei Rơ Wăk, xã Đ, thành phố K T, tỉnh K T; nghề nghiệp: Làm nông; học vấn: 7/12; dân tộc: Rơ Ngao; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A B, sinh năm 1972 và bà Y Y, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2024 đến nay, có mặt.

2. A S, sinh ngày 28 tháng 7 năm 2007 tại tỉnh K T; trú tại: Thôn Plei Rơ Wăk, xã Đ, thành phố K T, tỉnh K T; nghề nghiệp: Làm nông; học vấn: 9/12; dân tộc: Rơ Ngao; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con anh A S1, sinh năm 1980 và chị Y L, sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2024 đến nay, có mặt.

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo A S*:
Anh A S1, sinh năm 1980 và chị Y L, sinh năm 1980, cùng trú tại: Thôn Plei Rơ Wăk, xã Đ, thành phố K T, tỉnh K T (Cha mẹ đẻ của bị cáo A S), có mặt.

- *Bào chữa cho bị cáo A S*: Bà Nguyễn Thị T H– Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K T, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Chị Y Y, sinh năm 1974, t rú tại: Thôn Plei Rơ Wăk, xã Đ, thành phố K T- K T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 20/6/2024 trên đường liên thôn, đoạn bên hông sân đá bóng của thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố K T, tỉnh K T, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh K T tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện bị cáo A T và bị cáo A S đang cất giấu 01 bì ni lông bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (Nghi là ma túy) được bỏ trong 01 khẩu trang y tế để trên yên xe mô tô BKS 82B1-787.44 do A T cầm lái, A S ngồi sau. Công an lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ các đồ vật, tài sản:

- 01 bì ni lông trong suốt được hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng; 01 khẩu trang y tế;
- 01 điện thoại di động cảm ứng, màu xanh nhãn hiệu "ViVo";
- 01 điện thoại di động cảm ứng màu xanh nhãn hiệu "REALME";
- 01 xe mô tô BKS 82B1-787.44.

Hai bị cáo khai nhận:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 18/6/2024, A T đến nhà rủ A S cùng góp tiền mua ma túy sử dụng, A S đồng ý góp 100.000 đồng, A T góp 800.000 đồng.

Đến khoảng 19 giờ ngày 20/6/2024, A T gọi điện thoại qua ứng dụng Messenger đến tài khoản Messenger tên "Huy Hoang" của một người nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) để hỏi mua ma túy với giá 900.000 đồng, người này đồng ý và hẹn A T đến khu vực sân đá bóng của thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang lấy ma túy được bỏ trong 01 khẩu trang y tế cất giấu trong cầu gôn của sân bóng. A T liền điều khiển xe mô tô BKS 82B1-787.44 mượn của chị Y Y và chở A S đi lấy ma túy. Lấy được ma túy hai bị cáo cất giấu ở trên yên xe mô tô. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày 20/6/2024, khi A T đang điều khiển xe mô tô chở A S trên đường liên thôn, đoạn khu vực sân bóng của thôn Phương Quý 1 thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh K T phát hiện bắt quả tang cùng tang vật như nêu trên.

Kết quả xét nghiệm ma túy trong cơ thể: A S và A T đều dương tính với ma túy Metamphetamine, Amphetamine.

Kết luận giám định số: 217/KL-KTHS ngày 25/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh K T, kết luận: Chất tinh thể màu trắng có trong 01 bì ni lông trong suốt thu của hai bị cáo là ma túy Methamphetamine, khối lượng **1,295 gam** (sau giám định còn: 1,285 gam)

Tại Cáo trạng số: 127/CT-VKSTPKT ngày 02 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T truy tố A T và A S về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 BLHS. Xử phạt **A T** từ 20 đến 30 tháng tù.
- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38,

58, 90, 91 và khoản 2 Điều 101 BLHS. Xử phạt **A S** từ 12 đến 15 tháng tù.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho hai bị cáo

- Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định và buộc hai bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của *bà Nguyễn Thị T Hbào chữa cho bị cáo A S*: Bà Hằng đồng ý với luận tội của đại diện VKS đối với A S. Tuy nhiên khi phạm tội A S là trẻ em (16 năm 10 tháng 22 ngày tuổi) chưa phát triển đầy đủ về tâm sinh lý và thể chất, nhận thức chưa chín chắn; dễ bị rủ rê lôi kéo, kích động làm những việc sai trái, nên đã bị A T rủ rê phạm tội; bị cáo phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt; chỉ góp 100.000đ/900.000đ mua ma túy. Đề nghị áp dụng các quy định tại các điều 90, 91 và Điều 101 BLHS, xem xét giảm nhẹ hình phạt nhằm giúp đỡ bị cáo sữa chữa sai lầm.

Ý kiến của *chị Y L và anh A S1 là đại diện hợp pháp của bị cáo A* S: Xin giảm nhẹ hình phạt cho A Sơn vì bị cáo còn nhỏ tuổi.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hai bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Hai bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] *Xét hành vi bị truy tố*: Khoảng 21 giờ ngày 20/6/2024 trên đường liên thôn, đoạn bên hông sân đá bóng thôn Phương Quý 1, xã Vinh Quang, thành phố K T, tỉnh K T, bị cáo A T và bị cáo A S đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép **1,295 gam** ma túy Methamphetamine, mục đích sử dụng. Viện kiểm sát truy tố hai bị cáo là có căn cứ đúng luật.

[2] *Xét về tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo*: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm Luật phòng chống ma túy, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn và tội phạm. Hai bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện.

Hai bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Để có cơ sở quyết định hình, cần phân hóa vai trò tham gia đồng phạm như sau: Bị cáo A T tham gia tích cực nhất, khởi xướng rủ rê, gọi điện thoại liên lạc mua ma túy và trực tiếp điều khiển xe mô tô chở A S đi lấy ma túy về sử dụng, A T góp 800.000đ/900.000đ tiền mua ma túy, nên A T có vai trò thứ nhất trong đồng phạm, mức hình phạt áp dụng cho bị cáo phải nghiêm khắc nhất. Bị cáo A S khi được rủ góp tiền mua ma túy, bị cáo không can ngăn mà đồng ý ngay, góp tiền và cùng A T đi mua ma túy, nên bị cáo có vai trò thứ hai trong đồng phạm, cũng cần xử phạt nghiêm minh, nhưng mức hình phạt thấp hơn hình phạt áp dụng cho A T.

[3] *Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân*:

- *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo A T rủ bị cáo A S là người chưa thành niên phạm tội, nên A T phải chịu tình tiết tăng nặng "*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*" điểm o khoản 1 Điều 52 của BLHS. Bị cáo A S không phải chịu tình tiết tăng nặng.

- *Tình tiết giảm nhẹ*: Hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, nên được hưởng tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

- *Nhân thân*: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, cả hai bị cáo đều sử dụng trái phép chất ma túy.

[4] Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của hai bị cáo; xét thực trạng tội phạm về ma túy trên địa bàn thành phố K T hiện nay. Cần xử phạt nghiêm minh, cách ly hai bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo A S khi phạm tội là người chưa thành niên, là trẻ em (**16** năm **10** tháng **22** ngày tuổi) ở tuổi này bị cáo đang trong quá trình phát triển và hoàn thiện về thể chất, tâm sinh lý và nhận thức; nên chưa phát triển đầy đủ toàn diện về trí tuệ, tinh thần, nhân cách; hạn chế về kiến thức pháp luật, xã hội và kinh nghiệm sống, dễ bị tác động, xúi giục lôi kéo vào con đường phạm tội; bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội do bị xúi giục. Nên HĐXX áp dụng quy định tại các điều 90, 91 và Điều 101 BLHS, để xem xét quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] *Hình phạt bổ sung*: Hai bị cáo không nghề nghiệp, không có tài sản, không có điều kiện chấp hành hình phạt bổ sung, nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

[6] *Xử lý vật chứng*:

- 1,285 gam ma tuý Methamphetamine (*số ma túy còn lại sau giám định*) là chất cấm tang trữ, cấm lưu hành; 01 bì ni lông trong suốt và 01 khẩu trang y tế là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS, tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động REALME bị cáo A T sử dụng làm công cụ phạm tội dùng liên lạc mua ma túy. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động ViVo thu của bị cáo A S, không liên quan đến hành vi phạm tội của hai bị cáo. Căn cứ Điều 106 BLTTHS trả lại cho A S.

- Cơ quan CSĐT đã trả lại xe mô tô 82B1-787.44 cho chị Y Y là đúng luật.

[7] *Về án phí*: Hai bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo A S là người chưa thành niên và không có tài sản, nên đại diện hợp pháp của bị cáo là chị Y L và anh A S1 phải nộp thay tiền án phí cho bị cáo A S.

[8] *Các vấn đề khác*:

- A T khai mua ma túy của một nam thành niên. Cơ quan điều tra đã điều tra xác minh nhưng không xác định được nhân thân lai lịch.

- Chị Y Y không biết bị cáo sử dụng xe mô tô đi mua ma tuý nên không có lỗi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **A T** và bị cáo **A S** phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo **A T**: **23** (Hai ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (**20/6/2024**).

2.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38, 58, 90, 91 và khoản 2 Điều 101 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **A S**: **12** (Mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (**20/6/2024**).

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.1. *Tịch thu tiêu hủy đối với*:

- **1,285** (*Một phẩy hai tám năm*) gam ma túy Methamphetaine, 01 (Một) bì ni lông trong suốt, 01 (Một) phong bì đựng mẫu vật gửi giám định (Tất cả được niêm phong trong 01 phong bì);

- 01 (Một) khẩu trang y tế màu trắng.

3.2. *Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước*: **01** (Một) điện thoại di động dạng cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu "REALME" (Đã được niêm phong trong 01 phong bì).

3.2. *Trả lại cho bị cáo A S*: **01** (Một) điện thoại di động dạng cảm ứng, màu xanh, nhãn hiệu "ViVo" (Đã được niêm phong trong 01 phong bì).

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/10/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố K T với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K T.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo A T và bị cáo A S mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Chị Y L và anh A S1 chịu trách nhiệm nộp thay 200.000 đồng tiền án phí cho bị cáo A S.

5. Quyền kháng cáo: Hai bị cáo, người bào chữa, đại diện hợp pháp của bị cáo A S và người liên quan được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/11/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh K T;
- VKSND tỉnh K T;
- VKSND Tp. K T;
- Sở tư pháp tỉnh K T;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. K T;
- Chi cục THADS Tp. K T;
- Những người tham gia tố tụng;
- L- u HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hoài